

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN
Năm báo cáo: 2021**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**
- Tên giao dịch: **POSTEF**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100686865, đăng ký lần đầu ngày 07/6/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 30/06/2020.
- Vốn điều lệ: 194.400.000.000 VND (Một trăm chín mươi tư tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.300.060.000 VND (Một trăm chín mươi tư tỷ, ba trăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 38455946 – (024) 37338404
- Số fax: (024) 38234128
- Website: www.postef.com.vn
- Mã cổ phiếu: **POT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xưởng Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/03/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/09/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và chính thức hoạt động từ ngày 01/07/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686865 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần sáu (6) ngày 08/05/2013.

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.



2.2. Quá trình phát triển:

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) chính thức hoạt động từ 01/07/2005, trải qua hơn 16 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, tổng doanh thu qua các năm gần đây như sau:

TỔNG DOANH THU THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1.631,98	1.277,27	1.727,45	1.645,36	1.192,12	1.207,85	1.124,99

+ Với 03 Chi nhánh kinh doanh, 04 Nhà máy và 03 Công ty con (100% vốn của POSTEF)(trong đó Công ty TNHH MTV POSTEF Đà Nẵng mới thành lập ngày 12/10/2021) đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Ngoài ra có một công ty liên kết tại Lào. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thể mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để ở mức độ phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

+ Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Khi cần thiết Công ty chuyển đổi mô hình và cơ cấu cho phù hợp từng giai đoạn phát triển. Để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phiên bản mới nhất ISO 9001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2015 (Cho nhà máy sản xuất accu); Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp OHSAS18001:2007 (Cho nhà máy sản xuất accu). Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của Nhà nước, của ngành và tiêu chuẩn cơ sở. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra POSTEF luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang, nghiên cứu phát triển công nghệ ắc quy Lithium, năng lượng tái tạo, xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị khai thác bưu chính, thiết bị Node quang sử dụng cho mạng truyền hình cáp, thiết bị tu viển thông ngoài trời dùng cho trạm thu phát sóng di động mini, giải pháp hạn chế ảnh hưởng của sét đến các thiết bị đầu cuối Set Top Box và Modem xDSL khai thác trên mạng lưới của VNPT. Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) của Công ty và các Nhà máy có đội ngũ cán bộ trên 20 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia

công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm dịch vụ chính chiếm 10% tổng doanh thu trong hai năm gần đây nhất).

STT	Tên sản phẩm
1	Sản xuất, kinh doanh cáp quang và dây thuê bao các loại
2	Sản xuất, kinh doanh ắc quy viễn thông và ắc quy dân dụng các loại
3	Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt nguồn viễn thông, cảnh báo giám sát các loại
4	Sản xuất và kinh doanh antena các loại dùng trong viễn thông.
5	Sản xuất các thiết bị phục vụ cho mạng ngoại vi quang (Tủ hộp đấu nối, phụ kiện quang...)
6	Kinh doanh các loại thiết bị Gpon, truyền dẫn, swchich.
7	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí các loại
8	Sản xuất các loại sản phẩm buro chính

3.2. Địa bàn kinh doanh.

Tại các Viễn thông tỉnh thành, các Tổng công ty, Công ty phục vụ cho ngành Viễn thông trong cả nước Việt nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban Tổng giám đốc điều hành

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của POSTEF, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ POSTEF quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh POSTEF để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của POSTEF, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám Đốc:

Công ty cổ Phần Thiết bị Bưu điện tính đến thời điểm 31/12/2021 được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và 2 Phó tổng giám đốc (trước đó 1 Phó TGD đã nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/5/2021). Sau ĐHĐCĐ TN 2020 Công ty có hai đại diện Pháp luật đó là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty quy định và theo quy định của quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được HĐQT, Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty con:** Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là: công ty PDE)

Địa chỉ: số 63 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh nguồn, ác quy các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 32 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty con:** Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình

Địa chỉ: số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất điện mặt trời và bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 5 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty con:** Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Đà Nẵng

Địa chỉ: số 396 - 398, đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất điện mặt trời và bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 30 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty liên kết:** Công ty TNHH Liên doanh Lào – Việt (gọi tắt là: LVCC)

Địa chỉ: xã Khuá Khaukath, huyện Kaysone Phomvihane, tỉnh Savannakhet, nước CHDCND Lào.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh cáp đồng, cáp điện các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, thiết bị phần mềm (IT).

Vốn điều lệ thực góp: 2.750.000 USD.

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty liên kết: 30%

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu:

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà DHĐCD thường niên năm 2022 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện mục tiêu trên Công ty cần bám sát sự phát triển ngành Viễn thông, bám sát sự phát triển của Tập đoàn VNPT, các nhà mạng Mobiphone, Vinaphone, Viettel, CMC... Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào một số nội dung sau:

1. Về quản trị doanh nghiệp:

- Hoàn thiện giai đoạn đầu về số hóa hệ thống quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- Tập trung đẩy mạnh điều chỉnh các mô hình phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của công ty và chủ trương, định hướng của Tập Đoàn về chuyển đổi số.
- Chuẩn bị các nguồn lực, điều kiện để triển khai giai đoạn tiếp theo về xây dựng nhà máy thông minh trong năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với mô hình, định hướng phát triển của Tập đoàn.
- Hiện thực triển khai các chương trình & hành động của chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2020 - 2025 gắn với các mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2022; triển khai gắn liền tới các đơn vị, phòng ban chức năng, chi nhánh, nhà máy, công ty con đảm bảo triển khai đúng tiến độ và lộ trình đặt ra.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung để thực hiện việc tái cấu trúc công ty để đáp ứng được chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2030.

2. Về Đầu tư & Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

- Tập trung đầu tư nhà máy sản xuất preform cho sợi thủy tinh

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm sợi quang công nghệ cao, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, đáp ứng cho hạ tầng mạng 5G và các mạng thế hệ sau.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ tích hợp (IDC và IOT)
- Các đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp thị trường, xu thế phát triển

3. Về công tác kinh doanh phát triển thị trường:

- Bên cạnh việc tham gia vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn, việc hoạch định, phân khúc thị trường khách hàng ngoài Tập đoàn cũng rất quan trọng, nếu làm tốt công tác này thì việc đạt được chỉ tiêu đề ra cho 2022 với doanh thu thị trường ngoài đạt từ 40% - 60% trong tổng doanh thu 2022.
- Tập trung phát triển các thị trường mới
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang tại các nước Đông Nam Á và Châu Á
- Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác tại Việt Nam và trong khu vực để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sẽ mang lại giá trị cao trong hoạch định phát triển sản phẩm

4. Về công tác tài chính:

- Khả năng cấp tín dụng và nguồn vốn cho các đơn vị được đáp ứng trong khi vốn chủ sở hữu còn thấp không đáp ứng nhu cầu của vòng quay vốn.
- Chưa tăng được vốn CSH nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của công ty, do vậy cần có các giải pháp cụ thể khác để đạt được các chỉ tiêu tài chính trong ngưỡng an toàn, nâng cao tính thanh khoản trong các mặt hoạt động của công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công nợ rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn SXKD đảm bảo các chỉ số tài chính ở mức rủi ro thấp nhất, nâng cao hiệu quả SXKD
- Tiếp tục cập nhật, tham gia các lớp tập huấn công tác tài chính kế toán nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận Tài chính kế toán của Công ty và các đơn vị thành viên.

5. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Về công tác tuyển dụng: năm 2022, trên cơ sở nhu cầu thực tế Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động hiện có, tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các nhu cầu & đòi hỏi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với Chiến lược phát triển, trong xu hướng cách mạng công nghệ 4.0.
- Về công tác đào tạo: Trong năm 2022 Công ty tiếp tục tổ chức các khóa, lớp đào tạo, đào tạo lại cho các nhân viên kinh doanh, kỹ thuật cho các nhóm sản phẩm thông qua việc tự tổ chức hoặc thuê các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan nhằm nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên Công ty.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực R&D của Công ty nhằm củng cố, hỗ trợ các đơn vị trong việc giám sát chất lượng và tư vấn các giải pháp kỹ thuật và hướng tới mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

6. Về Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm:

- Định kỳ đưa ra các giải pháp, phong trào thi đua, các buổi hội thảo, thuyết trình nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm sản xuất ra tại các công đoạn, các khâu của quá trình sản xuất sao cho tỷ lệ sản phẩm lỗi, hỏng ở mức thấp nhất qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra chất lượng và chuẩn hóa tiêu chuẩn nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm đúng theo các chỉ tiêu và kỹ thuật yêu cầu.
- Thường xuyên thực hiện đo kiểm, đánh giá chất lượng một cách độc lập đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty.
- Đưa ra các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD tại các dây chuyền của các nhà máy, đơn vị trong Công ty.

5.3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

1. Cơ cấu về sở hữu vốn tại công ty cho phù hợp với tình hình giai đoạn.
2. Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty linh hoạt, phù hợp với giai đoạn hiện nay.
3. Đổi mới mô hình tăng trưởng: Tăng tỷ trọng doanh thu ngoài ngành VNPT; Mở rộng ngành nghề khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Duy trì sản phẩm truyền thống, mặt khác tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý.
5. Có chính sách thu hút nhân tài phù hợp.
6. Thực hiện các nội dung chuyển đổi số Doanh nghiệp đã được đề ra trong năm 2020.
7. Tập trung phát triển các thị trường Quốc tế theo kế hoạch chiến lược của tập đoàn VNPT tại các nước châu Á.
8. Chuyển đổi sản phẩm, dịch vụ phù hợp với Chiến lược VNPT 4.0 và Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, gắn với quá trình chuyển đổi số của các địa phương.

5.4. Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty đã nhận thức được sự phát triển bền vững là tiêu chí hàng đầu, cần phải kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Bởi vậy đề hướng tới sự phát triển bền vững Công ty đã có kế hoạch từng bước đổi mới hệ thống quản trị thông qua chương trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Nâng cao trách nhiệm của công ty đối với việc đổi mới công nghệ, nhằm tăng năng suất lao động, chú trọng sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Công ty luôn chấp hành đúng quy định của Pháp luật trong sản xuất

kinh doanh, đồng thời đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo hệ thống ISO tạo điều kiện để phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

- Đại dịch Covid – 19 kéo dài gây ảnh hưởng đến nguồn cung nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào cũng như khả năng tiêu thụ của Doanh nghiệp.

- Sự bùng nổ và thay đổi nhanh chóng Công nghệ viễn thông ảnh hưởng đến công tác đầu tư thiết bị máy móc của các doanh nghiệp. Công nghệ Viễn thông thay đổi nhanh thì doanh nghiệp không đủ thời gian để thu hồi vốn. Trong tình hình hiện nay bắt buộc Doanh nghiệp phải thực hiện việc chuyển đổi số, đó là thách thức vừa là cơ hội. Nếu Công ty thực hiện chuyển đổi số thành công thì đó là cơ hội để công ty bước sang trang mới cùng bắt nhịp với sự phát triển của các nhà mạng viễn thông, cùng đồng hành để cung cấp sản phẩm dài lâu, đặc biệt có cơ hội để tham gia chuỗi cung ứng của ngành viễn thông. Nhưng ngược lại để chuyển đổi số thành công Công ty cần bỏ ra chi phí lớn, phải dám mạnh dạn chấm dứt cái cũ, cái không phù hợp, liệu nguồn lực có đáp ứng hay không, vấn đề này quả thực là khó khăn.

- Kinh tế toàn cầu đang hồi phục chậm làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nói chung và của Công ty nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021 (ĐHĐCD đã thông qua)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)	So sánh năm 2020	
						Thực hiện 2020	TH2021/ 2020 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm - BH và CCDV - DT hoạt động TC - TN khác	Đồng	1.335.762.000.000	1.124.991.619.475	84,22%	1.078.676.867.703	104,3%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	20.352.000.000	13.255.261.535	65,13%	18.063.410.157	73,38%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (<i>Vốn CSH theo BCTC</i>)	%	6	4,04	67,33%	5,5%	73,45%
4	Cổ tức	%	5%	5,26%	105,2%	5%	105,2%
5	Thu nhập bình quân Người/tháng	Đồng	12.200.000	11.981.942	98,21%	11.429.339	104,83%
6	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	52.337.123.098	71,5%	53.900.760.513	97,1%
7	Lao động bình quân	Người	500	364	72,8%	393	92,62%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

T T	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần cá nhân sở hữu (Mã CK: POT)	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết
THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2022 (Chốt danh sách 21/01/2022)					
1	Nguyễn Tiến Hùng	TGD	23.391	23.391	0,120%
2	Lê Thanh Sơn <i>(đã nghỉ hưu từ 01/5/2021)</i>	Phó TGD	10.000	10.000	0,051%
2	Nguyễn Huyền Sơn	Phó TGD	47.394	47.394	0,243%
3	Trịnh An Huy	Phó TGD	0	0	0%
Cộng			80.785	80.785	0,414%

2.2. Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hùng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12 tháng 08 năm 1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số căn cước : 001076015916
- Quê quán : Xóm 2, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 3, ngõ 89 đường Thanh Lân, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại LH CQ : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
 - + Từ 10/1997 – 12/2002 : Nhân viên Ban Nguồn - Ủy viên BCH Đoàn TNCSHCM Nhà máy Thiết bị Bưu điện;
 - + Từ 01/2003 – 4/2004 : Phó quản đốc phân xưởng 7 - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - + Từ 5/2004 – 02/2008 : Phó quản đốc phân xưởng, phó chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (công ty con 100% vốn của POSTEF);

- + Từ 02/2008 – 3/2008 : Quản đốc phân xưởng Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
- + Từ 4/2008 – 4/2009 : Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng phòng KH-KD -TH Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 5/2009 – 3/2015 : Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 4/2015 – 10/2017 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 10/2017 đến 06/2019 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
- Từ 07/2019 đến 5/2020 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
- Từ 06/2020 đến nay : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2. Phó Tổng giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/5/2021)

Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 001061006008
- Quê quán : Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - p. Đồng Tâm – Quận Hai Bà Trưng – tp Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 1984 – 1998 : Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng KTTK, Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK, Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- + Từ 1/1999 - 6/2005 : Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- + Từ 7/2005 - 8/2009 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện -

- Thành viên HĐQT – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1
- + Từ 9/2009 – 4/2015 :Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
 - + Từ 4/2015 đến T2/2018 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - + Từ 3/2018 đến T5/2020 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện – Thành viên HĐQT.
 - + Từ 6/2020 đến T4/2021 : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - + Từ tháng 5/2021 Nghỉ hưu theo chế độ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

3. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/ 11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 025598484
- Quê quán : Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Nhà số 8 – D6 – Khu Saigon Pearl – số 92 Nguyễn Hữu Cảnh - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 028.38299466
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 02/1985 – 6/2005 : Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Kế hoạch, Nhân viên phòng KTTK, Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm, Trưởng Chi nhánh miền Nam, Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM
- + Từ 7/2005 - 8/2009 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- + Từ 9/2009 – 4/2015 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- + Từ 4/2015 đến T2/2018 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty; Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện

+ Từ T3/2018 đến nay: : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

4. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Trịnh An Huy

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/12/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 011440123
- Quê quán : Định Tân - Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 15, ngõ 9/20 phố Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kỹ thuật
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 10/2003 – 01/2008 : Cán bộ giảng dạy tại Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội
- + Từ 01/2006 - 01/2008 : Cán bộ Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam
- + Từ 02/2008 – 5/2011 : Giám đốc Ban phát triển Đầu tư - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
- + Từ 6/2011 – 4/2013 : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Việt Xuân

- + Từ 6/2011 – 3/2015 : Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần PVI
- Từ 4/2015 – 3/2016 : Phó giám đốc Khởi Hoạt động – Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI
- Từ 10/2015 – 3/2016 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghệ sinh học – Dược phẩm ICA
- Từ 3/2016 – 3/2017 : Phó giám đốc Nhà máy 3 – Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Từ 4/2017 – 12/2020 : Giám đốc Nhà máy 3 – Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Từ 01/2021 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2.3. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

Từ ngày 01/01/2021 Ông Trịnh An Huy được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.

Từ ngày 01/5/2021 Ông Lê Thanh Sơn – Phó Tổng giám đốc công ty nghỉ hưu theo chế độ.

Hiện tại Ban Tổng giám đốc công ty gồm 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a) Số lượng và cơ cấu lao động tại 31/12/2021

Stt	Nội dung	Số người	Tỷ lệ
1	Tổng số lao động	364	100%
2	Phân loại lao động theo trình độ:		
2.1	Trên đại học	12	3,30%
2.2	Đại học chính quy, ĐH Tại chức	95	26,10%
2.3	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	88	24,17%
2.4	Công nhân kỹ thuật	169	46,43%

b) Chính sách đối với người lao động:

+ **Chế độ làm việc:** Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

+ **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

+ **Chính sách tuyển dụng:** Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty và tiếp tục tuyển dụng kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật để bổ sung cho nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

+ **Chính sách lương, bảo hiểm, thưởng và phúc lợi:** Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2021, công ty đảm bảo ổn định thu nhập và thực hiện tốt Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đã được ĐHCĐ thông qua từ trước. Các dự án đầu tư của công ty tiếp tục được thực hiện một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng hợp lý tiến độ, kế hoạch đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua, đảm bảo phù hợp trong tình hình thực tế.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

- Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là Công ty PDE), Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình (gọi tắt là Công ty POSTEF Ba Đình) và Công ty TNHH MTV POSTEF Đà Nẵng (gọi tắt là Công ty POSTEF Đà Nẵng)(mới thành lập từ tháng 10/2021). Cả ba Công ty do Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) sở hữu 100% vốn điều lệ:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021		
		Công ty PDE (đồng)	Công ty POSTEF Ba Đình (đồng)	Công ty POSTEF Đà Nẵng (đồng)
1	Doanh thu	132.469.795.401	51.705.333.701	20.739.531.657
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	980.167.874	1.240.744.196	41.026.200
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành		183.124.366	15.269.177
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	980.167.874	1.057.619.830	25.757.023

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.096.536.656.053	2.313.265.400.716	+10,34%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	1.078.676.867.703	1.124.991.619.475	+4,29%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.355.970.235	16.685.314.754	-3,86%
Lợi nhuận khác	1.777.650.292	1.739.158.999	-2,17%
Lợi nhuận trước thuế	19.133.620.527	18.424.473.753	-3,71%
Lợi nhuận sau thuế	18.063.410.157	13.255.261.535	-26,62%
Tỷ lệ trả cổ tức	5%	5,26%	+5,2%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,99	1,06
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0,8	0,8
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2.1	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,84	0,85
2.2	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	5,38	6,04
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho trung bình	1,1	1,1
3.2	Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn (DT thuần/Tài sản ngắn hạn)	1,16	1,09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
4.1	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	0,016	0,011
4.2	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,0086	0,0057
4.3	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,055	0,040
4.4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	0,0929	0,0682

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2020
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Cổ phần	19.430.006
2	Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
4	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	Đồng	10.000

5.2. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/01/2022)

a) Phân loại theo cổ đông nhà nước, cổ đông khác:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /Vốn điều lệ
-----	----------	------------------	------------	------------------------

1	Cổ đông Nhà nước	1	9.714.200	49,996%
2	Cổ đông khác	2.105	9.715.806	50,004%
	Cộng	2.106	19.430.006	100%

b) Phân loại theo tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /Vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn	3	13.413.652	69,04%
2	Cổ đông nhỏ	2.103	6.016.354	30,96%
	Cộng	2.106	19.430.006	100%

d) Phân loại theo cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	2.086	19.414.063	99,918%
2	Cổ đông nước ngoài	20	15.943	0,082%
	Cộng	2.106	19.430.006	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có đợt tăng vốn cổ phần nào trong năm.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5.5. Chứng khoán khác:

Không có đợt phát hành chứng khoán trong năm.

-&-

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 tình hình kinh tế có nhiều biến động trong 9 tháng đầu năm, và được cải thiện hơn trong quý 4/2021, dịch bệnh Covid -19 kéo dài, phức tạp, mức đầu tư của ngành Viễn thông giảm cùng sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà mạng, nhưng với sự đoàn kết, nhất trí, sự nỗ lực cố gắng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty ổn định, tự chủ cụ thể như sau:

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm các doanh thu:	Đồng	1.335.762.000.000	1.124.991.619.475	84,22%

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
	- BH và CCDV - Hoạt động TC - Thu nhập khác				
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	20.352.000.000	13.255.261.535	65,13%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6	4,04	67,33%
4	Cổ tức	%	5%	5,26%	105,2%

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2020	Tại thời điểm 31/12/2021	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
I	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	929.298	1.035.326	111,41%	+106.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	188.423	129.086	68,51%	-59.337
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.6	50.072	81.287,2%	+50.011
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	531.339	578.174	108,81%	+46.834
IV. Hàng tồn kho	187.110	259.123	138,49%	+72.013
V. Tài sản ngắn hạn khác	22.362	18.868	84,37%	-3.494
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.167.238	1.277.939	108,48%	110.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	25.107	25.061	99,82%	-46
II. Tài sản cố định	395.106	365.617	92,54%	-29.488
III. Tài sản dở dang dài hạn	681.720	811.466	119,03%	+129.745
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13.579	13.579	100%	0
V. Tài sản dài hạn khác	51.725	62.215	120,28%	+10.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.096.536	2.313.265	110,34%	+216.728

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2020	Tại thời điểm 31/12/2021	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. NỢ PHẢI TRẢ	1.768.334	1.985.097	112,26%	+216.763
I. Nợ ngắn hạn	941.147	980.939	104,23%	+39.792
1. Phải trả người bán ngắn hạn	296.908	359.112	120,95%	+62.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.502	3.962	52,82%	-3.539
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.765	4.656	263,73%	+2.890
4. Phải trả người lao động	8.675	8.745	100,81%	+69
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14.274	23.614	165,43%	+9.340
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		60		+60
7. Phải trả ngắn hạn khác	5.169	9.840	190,37%	+4.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	580.885	541.691	93,25%	-39.194
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.823	26.338	139,93%	+7.515
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.142	2.916	40,84%	-4.225
II. Nợ dài hạn	827.186	1.004.157	121,39%	+176.970
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.149	0		-1.149
2. Phải trả dài hạn khác	706.283	846.959	119,92%	+140.676
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	49.658	99.134	199,63%	+49.475
4. Dự phòng phải trả dài hạn	70.096	58.063	82,83%	-12.032

Tình hình tài chính công ty trong năm 2021 đảm bảo ổn định, hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán hiệu quả đã góp phần vào kết quả hoạt động chung của công ty trong năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty luôn bám sát định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chuyển đổi số doanh nghiệp, chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT.

Trong năm 2021, Công ty đã thành lập thêm một công ty con 100% vốn POSTEF là: Công ty TNHH MTV POSTEF Đà Nẵng có trụ sở chính tại Đà Nẵng nhằm duy trì, tiếp tục khai

thác thị trường khu vực miền Trung. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tổ chức lại một số hoạt động tại khu vực Vsip và Văn phòng công ty phù hợp với tình hình giai đoạn khó khăn hiện nay. Cụ thể là công tác Kế hoạch tổ chức lại nhằm chi phối, điều tiết toàn bộ hoạt động tại các đơn vị phụ thuộc trên cơ sở tính toán chi tiết nhằm đảm bảo hoạt động cho các nhà máy ổn định, việc nghỉ luân phiên khi dịch Covid cũng được tính toán tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh. Tại khu vực Vsip, Công ty đã thực hiện các dịch vụ dùng chung cho các đơn vị như về tổ chức, kế hoạch, Lao động tiền lương và Kế toán. Từ đó lãnh đạo Công ty sẽ có một cách nhìn tổng quan hơn để điều hành hoạt động tại các đơn vị cấp dưới. Tăng cường tổ chức quản trị các đơn vị cấp dưới về tính hiệu quả của hoạt động, đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động Công ty con. Mặt khác, Công ty tiếp tục từng bước triển khai chuyển đổi số doanh nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay.

Chú trọng công tác quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản phẩm. Định kỳ đánh giá nội bộ về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS18001:2007. Công tác PCCC cũng được quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2022

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Về quản trị doanh nghiệp:

- Hoàn thiện giai đoạn đầu về số hóa hệ thống quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- Tập trung đẩy mạnh điều chỉnh các mô hình phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của công ty và chủ trương, định hướng của Tập Đoàn về chuyển đổi số.
- Chuẩn bị các nguồn lực, điều kiện để triển khai giai đoạn tiếp theo về xây dựng nhà máy thông minh trong năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với mô hình, định hướng phát triển của Tập đoàn.
- Hiện thực triển khai các chương trình & hành động của chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2020 - 2025 gắn với các mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2022; triển khai gắn liền tới các đơn vị, phòng ban chức năng, chi nhánh, nhà máy, công ty con đảm bảo triển khai đúng tiến độ và lộ trình đặt ra.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung để thực hiện việc tái cấu trúc công ty để đáp ứng được chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2030.

2. Về Đầu tư & Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

- Tập trung đầu tư nhà máy sản xuất preform cho sợi thủy tinh
- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm sợi quang công nghệ cao, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, đáp ứng cho hạ tầng mạng 5G và các mạng thế hệ sau.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ tích hợp (IDC và IOT)
- Các đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp thị trường, xu thế phát triển

3. Về công tác kinh doanh phát triển thị trường:

- Bên cạnh việc tham gia vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn, việc hoạch định, phân khúc thị trường khách hàng ngoài Tập đoàn cũng rất quan trọng, nếu làm tốt công tác này thì việc đạt được chỉ tiêu đề ra cho 2022 với doanh thu thị trường ngoài đạt từ 40% - 60% trong tổng doanh thu 2022.
- Tập trung phát triển các thị trường mới
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang tại các nước Đông Nam Á và Châu Á
- Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác tại Việt Nam và trong khu vực để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sẽ mang lại giá trị cao trong hoạch định phát triển sản phẩm

4. Về công tác tài chính:

- Khả năng cấp tín dụng và nguồn vốn cho các đơn vị được đáp ứng trong khi vốn chủ sở hữu còn thấp không đáp ứng nhu cầu của vòng quay vốn.
- Chưa tăng được vốn CSH nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của công ty, do vậy cần có các giải pháp cụ thể khác để đạt được các chỉ tiêu tài chính trong ngưỡng an toàn, nâng cao tính thanh khoản trong các mặt hoạt động của công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công nợ rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn SXKD đảm bảo các chỉ số tài chính ở mức rủi ro thấp nhất, nâng cao hiệu quả SXKD
- Tiếp tục cập nhật, tham gia các lớp tập huấn công tác tài chính kế toán nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận Tài chính kế toán của Công ty và các đơn vị thành viên.

5. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Về công tác tuyển dụng: năm 2022, trên cơ sở nhu cầu thực tế Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động hiện có, tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các nhu cầu & đòi hỏi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với Chiến lược phát triển, trong xu hướng cách mạng công nghệ 4.0.

- Về công tác đào tạo: Trong năm 2022 Công ty tiếp tục tổ chức các khóa, lớp đào tạo, đào tạo lại cho các nhân viên kinh doanh, kỹ thuật cho các nhóm sản phẩm thông qua việc tự tổ chức hoặc thuê các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan nhằm nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên Công ty.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực R&D của Công ty nhằm củng cố, hỗ trợ các đơn vị trong việc giám sát chất lượng và tư vấn các giải pháp kỹ thuật và hướng tới mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

6. Về Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm:

- Định kỳ đưa ra các giải pháp, phong trào thi đua, các buổi hội thảo, thuyết trình nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm sản xuất ra tại các công đoạn, các khâu của quá trình sản xuất sao cho tỷ lệ sản phẩm lỗi, hỏng ở mức thấp nhất qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra chất lượng và chuẩn hóa tiêu chuẩn nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm đúng theo các chỉ tiêu và kỹ thuật yêu cầu.
- Thường xuyên thực hiện đo kiểm, đánh giá chất lượng một cách độc lập đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty.
- Đưa ra các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD tại các dây chuyền của các nhà máy, đơn vị trong Công ty.

5. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

1. Cơ cấu về sở hữu vốn tại công ty cho phù hợp với tình hình giai đoạn.
2. Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty linh hoạt, phù hợp với giai đoạn hiện nay.
3. Đổi mới mô hình tăng trưởng: Tăng tỷ trọng doanh thu ngoài ngành VNPT; Mở rộng ngành nghề khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Duy trì sản phẩm truyền thống, mặt khác tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý.
5. Có chính sách thu hút nhân tài phù hợp.
6. Thực hiện các nội dung chuyển đổi số Doanh nghiệp đã được đề ra trong năm 2020.
7. Tập trung phát triển các thị trường Quốc tế theo kế hoạch chiến lược của tập đoàn VNPT tại các nước châu Á.
8. Chuyển đổi sản phẩm, dịch vụ phù hợp với Chiến lược VNPT 4.0 và Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, gắn với quá trình chuyển đổi số của các địa phương.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2021:

Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung trong đó có nước ta nói riêng, tình hình kinh tế - xã hội trong những tháng đầu năm 2021 gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong quý 3/2021 bị sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên sau khi Chính phủ thay đổi chiến lược chống dịch bệnh Covid-19 (theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19) thì tình hình kinh tế - xã hội trong quý 4/2021 có nhiều khởi sắc, dần dần đi vào ổn định để lấy lại đà tăng trưởng trong năm 2022.

Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Nền kinh tế tiếp tục duy trì tăng trưởng ước đạt 2,58%: đạt và vượt 7/12 chỉ tiêu chủ yếu, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 1,84%, là mức tăng thấp nhất từ năm 2016 trở lại đây. Các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ, bảo đảm thanh khoản cho nền kinh tế, mặt bằng lãi suất giảm, tăng trưởng tín dụng đạt 13,53%. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh, quy mô vốn hóa tăng trên 46% so với năm 2020, trở thành một kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Thương mại, dịch vụ phục hồi tích cực. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2021 tăng 22,6% so với năm 2020, đạt 668,5 tỷ USD, cao nhất từ trước tới nay và trở thành một trong 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; cán cân thương mại duy trì xuất siêu năm thứ 6 liên tiếp, đạt khoảng 4 tỷ USD. Tăng trưởng khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2021 đạt 4,05%, đóng góp 63,8% trong tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, phát triển các mô hình, hoạt động kinh doanh mới. Tiếp tục triển khai nhiều chính sách, giải pháp về an sinh xã hội, chăm lo, hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nước ta vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, biến động, khó đoán. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên. Giá nguyên, nhiên, vật liệu, cước vận tải, chi phí logistics... tăng cao làm tăng chi phí sản xuất và gia tăng áp lực lạm phát, gây tiềm ẩn rủi ro đối với ổn định kinh

tế vĩ mô và các cân đối lớn. Giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm. Hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn.

Bước sang năm 2022, năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Đại dịch COVID-19 còn tiềm ẩn các diễn biến phức tạp, nguy hiểm hơn. Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi song còn nhiều rủi ro. Trong nước, nguy cơ chậm phục hồi kinh tế và suy giảm tăng trưởng hiện hữu nếu không kiểm soát được dịch bệnh và có giải pháp phù hợp thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến bất thường; sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế.

Mặt khác, cách mạng công nghiệp 4.0 đã lan rộng và có chiều sâu, tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống trên mọi lĩnh vực. Trong đó ngành viễn thông là một trong những ngành chịu ảnh hưởng lớn nhất. Các nhà mạng đã chuyển đổi từ đơn vị dịch vụ viễn thông truyền thống sang nhà cung cấp dịch vụ số, tập trung xây dựng giải pháp dịch vụ theo mô hình hệ sinh thái dựa trên các nền tảng số, kinh tế số.

Bên cạnh đó, Chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn cũng đã định hướng cho công ty Postef phải nhanh chóng chuyển đổi từ phương thức sản xuất truyền thống sang phương thức sản xuất hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quá trình quản trị, sản xuất, kinh doanh đảm bảo những mục tiêu đặt ra.

Năm 2021 là một năm khó khăn thách thức, tuy nhiên HĐQT đã có những định hướng chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo các đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2021 như sau:

1. Với sự định hướng và chỉ đạo sát sao của HĐQT công ty, trong năm Công ty đã đạt được những kết quả sau:

- Bám sát chủ trương, định hướng chiến lược của Tập đoàn VNPT, Hội đồng quản trị công ty, Công ty vượt qua các khó khăn thách thức để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh vừa duy trì được các sản phẩm truyền thống, vừa đảm bảo các mặt hàng mới phục vụ cho ngành Viễn thông.
- Trên cơ sở định hướng, chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, Công ty đã chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số Doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 và từng bước thực hiện trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Tuy năm 2021 không đạt được chỉ tiêu của ĐHCĐ TN 2021 nhưng công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đều có kết quả tương đương năm 2020.

- Về nghiên cứu phát triển đề tài KHCN: Đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới theo nghị quyết ĐHĐCĐ và đã được Cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt đồng thời đăng ký đề tài KHCN, sản phẩm mới trong năm 2021 theo chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Về công tác đầu tư:

+ Dự án Công trình đa chức năng 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

- Ngày 01/02/2019 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ335698 của Sở Tài nguyên Môi trường;
- Dự án đã hoàn thành các thủ tục xin đấu nối điện, nước, PCCC với các Sở ban ngành;
- Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND Thành phố Hà Nội điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Công trình Đa chức năng Postef;
- Giấy phép xây dựng số: 83/GPXD ngày 08/12/2020 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp., có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp;
- Công ty đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục khởi công dự án, để chuẩn bị khởi công dự án trong năm 2022.

+ Dự án Xây dựng tổ hợp đa chức năng 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Dự án đã hoàn thành các công tác khoan khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế, rà soát bom mìn, thăm định nhu cầu sử dụng đất tại Sở Tài nguyên Môi trường, thăm định hồ sơ thiết kế tại Bộ xây dựng, hoàn thành công tác thí nghiệm cọc nhồi...
- Ngày 12/01/2022, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số: 119/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện tiếp tục thuê đất tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội, Công ty đang hoàn thiện thủ tục giấy tờ để ký hợp đồng thuê đất mới. Vì vậy cần phải thực hiện các thủ tục tiếp theo hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội.
- Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 (quý, bán niên, cả năm) với Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và công bố thông tin theo quy định.

2. Khó khăn, thách thức:

1. Quá trình triển khai áp dụng CNTT, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh còn chậm, giám sát chất lượng sản phẩm còn ở mức thấp cần tập trung triển khai theo lộ trình chuyển đổi thành doanh nghiệp có phương thức sản xuất hiện đại, nâng cao năng

suất lao động mang lại hiệu quả hơn nữa để tạo nguồn lực tiến tới chuyển đổi thành doanh nghiệp số.

2. Công tác nghiên cứu phát triển cung cấp giải pháp và dịch vụ còn chậm, chưa có bước đột phá, tiên phong.

3. Công tác tuyển dụng nhân sự cho nhà máy ... còn gặp nhiều khó khăn về địa lý, tiêu chuẩn, trình độ lao động...

4. Trong công tác quản trị tài chính, để cho hệ số nợ/ vốn CSH còn cao một phần do quy định của nhà nước về việc tăng vốn đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các mặt hoạt động của công ty.

5. Nhà máy sản xuất sợi quang đã hoạt động, nhưng phương án phát hành tăng vốn phục vụ cho công tác đầu tư nhà máy không được phê duyệt. Vì vậy Công ty khó khăn nguồn vốn hoạt động; Nguồn vốn hoạt động chủ yếu vốn vay nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong mục chi phí SXKD.

6. Việc phát triển sản phẩm sợi quang ra thị trường ngoài nước cần phải được đầu tư bài bản. Khó khăn là giá thành sản xuất sản phẩm còn cao hơn đối thủ cạnh tranh và mất nhiều thời gian để xây dựng thương hiệu sản phẩm. Hơn nữa các nước tiêu thụ sợi quang có thói quen dùng sản phẩm các nước nhóm G7.

7. Việc chuyển đổi số doanh nghiệp có nhiều thách thức, năng lực công nghệ trong nước chưa cao, chưa làm chủ được những công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số mà chủ yếu là đi sau và ứng dụng những công nghệ chuyển đổi số đã được phát triển sẵn trên thế giới. Mặt khác chi phí đầu tư cho chuyển đổi số lớn mới tiếp cận được nhà máy hiện đại, nhà máy thông minh và công nghệ mới nhất.

8. Về mặt nhân lực cần thiết có nguồn nhân lực chất lượng cao để làm chủ công nghệ mới phục vụ cho chuyển đổi số. Công ty phải loại bỏ cái cũ để tiến thẳng lên cái mới nên nhiều thách thức trong đó thách thức về chi phí bỏ ra trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn hẹp.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám công ty năm 2021:

Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và các Quy chế HĐQT ban hành, phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

Trong công tác điều hành, ban Tổng giám đốc chủ động, linh hoạt giải quyết được những vướng mắc những khó khăn và đưa ra giải pháp thích hợp để hạn chế các chi phí phát sinh, phù hợp theo từng giai đoạn. HĐQT và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp, thống nhất trong phương pháp điều hành, đưa ra những giải pháp phù hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ban Tổng giám đốc duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ, giao ban tháng, các cuộc họp chuyên đề như kế hoạch, kinh doanh, đầu tư, đề tài KHCN, sản phẩm mới ... nhằm giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm ổn định trong tình hình mới, tạo được công ăn việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Nộp ngân sách nhà nước đủ và đúng hạn. Đó là tiền đề cho công ty phát triển trong năm tiếp theo.

III. Định hướng phát triển

I. Định hướng phát triển

Công ty luôn bám sát định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chuyển đổi số doanh nghiệp, chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT.

Năm 2022, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước được dự báo có nhiều khả quan, song tình hình dịch bệnh COVID-19 còn phức tạp, khó lường với biến chủng mới, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế nước ta ngày càng sâu rộng, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế Quốc tế. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021, với định hướng, chiến lược phát triển của Tập đoàn năm 2022 và các năm tiếp theo, Chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn, chiến lược phát triển của POSTEF giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và định hướng cho các năm tiếp theo, như sau:

2. Mục tiêu phát triển: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Quan điểm phát triển: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; Chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính; Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; Phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác;

4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

1. Cơ cấu về sở hữu vốn tại công ty cho phù hợp với tình hình giai đoạn.
2. Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty linh hoạt, phù hợp với giai đoạn hiện nay.
3. Đổi mới mô hình tăng trưởng: Tăng tỷ trọng doanh thu ngoài ngành VNPT; Mở rộng ngành nghề khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Duy trì sản phẩm truyền thống, mặt khác tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý.
5. Có chính sách thu hút nhân tài phù hợp.
6. Thực hiện các nội dung chuyển đổi số Doanh nghiệp đã được đề ra trong năm 2020.
7. Tập trung phát triển các thị trường Quốc tế theo kế hoạch chiến lược của tập đoàn VNPT tại các nước châu Á.
8. Chuyển đổi sản phẩm, dịch vụ phù hợp với Chiến lược VNPT 4.0 và Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, gắn với quá trình chuyển đổi số của các địa phương.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT tại thời điểm 31/12/2020

T T	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần cá nhân sở hữu	Số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/ Số CP Lưu hành
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	203.323	203.323	1,046%
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	0	0	0%
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	1.499.452	1.499.452	7,72%
4	Nguyễn Huyền Sơn	TV HĐQT	47.394	47.394	0,24%
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	23.391	23.392	0,12%
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	4.393	4.393	0,02%
7	Phạm Cảnh Huy	TV độc lập HĐQT	0	0	0%
	Cộng		1.777.953	1.777.953	9,15%

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT : Công ty không áp dụng mô hình có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 10 cuộc họp trong đó có 05 buổi họp trực tiếp và 05 cuộc họp thông qua lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp trực tiếp đều mời trưởng BKS tham dự họp. Các buổi họp của các thành viên HĐQT như sau :

1. Nhân sự HĐQT năm 2021:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lương Tuấn Phương	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Huyền Sơn	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Huy Đồng	Thành viên HĐQT
7	Ông Phạm Cảnh Huy	Thành viên HĐQT

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
1	Biên bản số: 81/BB-HĐQT	04/02/2021	Đánh giá hoạt động SXKD năm 2020 và một số nội dung liên quan khác; Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ TN 2021
2	Biên bản số: 332/BB-HĐQT	01/6/2021	Cử có thời hạn ông Phạm Cao Thắng làm Người đại diện theo ủy quyền tại Công ty TNHH Liên doanh Lào – Việt
3	Biên bản số: 333/BB-HĐQT	02/6/2021	Thông qua giới hạn tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD tại ngân hàng MSB
4	Biên bản số: 335/BB-HĐQT	02/6/2021	Thông qua giới hạn tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD tại ngân hàng VIB
5	Biên bản số: 339/BB-HĐQT	25/6/2021	Sơ kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021; giới hạn tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD tại các ngân hàng; Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2020
6	Biên bản số: 540/BB-HĐQT	28/9/2021	Sơ kết kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2021 và định hướng kế hoạch SXKD Quý 4/2021; Hạn mức tín dụng tại ngân hàng MB – Chi nhánh Điện Biên Phủ

7	Biên bản số: 547/BB-HĐQT	30/9/2021	Thành lập Công ty TNHH MTV Postef Đà Nẵng;
8	Biên bản số: 561/BB-HĐQT	11/10/2021	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thi công xây lắp phần ngầm dự án Công trình đa chức năng POSTEF
9	Biên bản số: 592/BB-HĐQT	26/10/2021	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công + dự toán chi phí xây lắp phần ngầm, chi phí tư vấn, các chi phí liên quan khác giai đoạn thi công xây lắp phần ngầm dự án Công trình đa chức năng POSTEF
10	Biên bản số: 698/BB-HĐQT	28/12/2021	Thông qua dự kiến kết quả hoạt động SXKD năm 2021, đăng ký kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022; Hạn mức tín dụng tại các ngân hàng; Lịch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022

d) *Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập* : Trong năm Công ty mới bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập.

e) *Đào tạo về quản trị Công ty*:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chương trình đào tạo
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	Các thành viên HĐQT đều đã trải qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công ty trước đây. Chủ tịch HĐQT được đào tạo về chuyên đổi số trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số Doanh nghiệp do tập đoàn VNPT tổ chức. Công ty đã mời đơn vị chuyên đào tạo về chuyển đổi số tổ chức lớp học đào tạo chuyển đổi số cho các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ chủ chốt của Công ty, trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số.
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
4	Nguyễn Huyền Sơn	TV HĐQT	
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
7	Phạm Cảnh Huy	TV độc lập HĐQT	

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2021

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	
			Số cổ phần	Tỷ lệ CP nắm giữ/Số CP lưu hành (%)
1	Trần Thị Hòa	Trưởng BKS	28.872	0,149%
2	Vũ Hoàng Công	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	13.120	0,067%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát tổ chức 3 cuộc họp và thường xuyên trao đổi trực tuyến để cùng thống nhất các ý kiến của các thành viên với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong ban để thực hiện công việc liên quan đến tổ chức hoạt động của BKS giám sát HĐQT và của ban TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty, thẩm định BCTC của Công ty. Trong các cuộc họp và quá trình làm việc của ban các thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm, việc tổ chức các cuộc họp và ban hành các văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ 100% các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2021 và tham dự đầy đủ 100% cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

Trong năm Ban kiểm soát thực hiện đúng quy định về việc thẩm định các Báo cáo của HĐQT, Ban TGD điều hành trước khi lập Báo cáo của Ban kiểm soát để báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Các nội dung làm việc của Ban kiểm soát trong năm được các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, thống nhất thông qua, cùng ký tên đầy đủ tại các biên bản làm việc của Ban kiểm soát đã ban hành trong năm 2021.

Các nội dung hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Tại cuộc họp đại diện BKS tham gia ý kiến đối với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2021 của toàn Công ty.
- Giám sát công tác kiểm kê tài sản cuối năm của các nhà máy chi nhánh và văn phòng Công ty.
- Theo dõi giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng: Công bố BCTC quý, 6 tháng và cả năm 2021; biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, các thông tin liên quan đến công tác thay đổi nhân sự chủ chốt ... theo quy định của pháp luật.

- Thông qua người đại diện vốn của 3 công ty con PDE và POSTEF Ba Đình và POSTEF Đà Nẵng có 100% vốn POSTEF để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và BCTC năm 2021.

- Hàng tháng Ban kiểm soát cử đại diện tham dự cuộc họp giao ban và các cuộc họp đột xuất khác, tham gia cho ý kiến tại các cuộc họp về đánh giá kết quả thực hiện của các bộ phận trong toàn Công ty

- Thông qua hệ thống phần mềm kế toán của Công ty BKS thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kiểm tra giám sát việc tuân thủ, gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với các bộ phận liên quan.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ

Đánh giá kết quả hoạt động của BKS:

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp với kết quả hoạt động đã nêu trên BKS tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc giám sát HĐQT, ban điều hành trong việc quản trị và điều hành Công ty;
- Thẩm định BCTC hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty;
- Thường xuyên có đề xuất và kiến nghị với ban điều hành để Công ty phát triển bền vững;
- Các thành viên BKS chủ động nỗ lực giải quyết công việc đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp và hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao, phụ cấp theo biên bản/ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

Thù lao năm 2021 của HĐQT và BKS được ĐHĐCĐ TN 2022 thông qua như sau:

STT	Đơn vị	Thù lao kế hoạch HĐQT & BKS đã được ĐHĐCĐ 2021 phê duyệt (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của lợi nhuận sau thuế năm 2021(đồng)	Thù lao năm 2021 được hưởng (đồng)
-----	--------	---	---	------------------------------------



(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	Hội đồng quản trị	258.493.793	65,125%	168.344.000
2	Ban kiểm soát	87.490.207	65,125%	56.978.000
	Cộng	345.984.000		225.322.000

- b. Giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty: Không có
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và điều lệ công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán được công bố thông tin theo đúng quy định về chứng khoán và trên website của Công ty

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY



Trần Hải Vân